

Số: 07/NQ-HĐND

Phổ Nhơn, ngày 13 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách trên địa bàn,  
Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỔ NHƠN  
KHÓA XIII, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 04 tháng 07 năm 2022 của UBND xã Phổ Nhơn về việc phê chuẩn quyết toán thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách xã năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội số 08/BC-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2022 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn Báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách xã Phổ Nhơn năm 2021 với các nội dung sau:

**A. Tổng số thu ngân sách nhà nước năm 2021: 21.318.601.026 đồng.**

**Tổng số thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn:  
1.306.782.325 đồng (gồm các khoản thu nội địa)**

1. Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh:  
39.564.849 đồng

2. Thuế thu nhập cá nhân: 62.647.300 đồng

3. Thu khác của thuế: 865.364 đồng

4. Lệ phí trước bạ nhà đất: 12.927.620 đồng

5. Thu phí, lệ phí: 27.534.000 đồng

6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 3.583.358 đồng

7. Tiền sử dụng đất: 34.125.000 đồng



8. Thu phạt, tịch thu khác theo qui định:	36.745.914 đồng
9. Thu từ quỹ đất CI, hoa lợi công sản khác:	69.607.000 đồng
10. Thu khác:	19.436.000 đồng
11. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác:	64.508.294 đồng
12. Thuế tài nguyên:	718.959.886 đồng
13. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:	216.277.740 đồng

**B. Tổng số thu ngân sách xã năm 2021: 20.591.139.034 đồng**

1. Các khoản cân đối NSNN trên địa bàn (thu nội địa):	579.320.333 đồng
2. Thu kết dư:	2.247.543.580 đồng
3. Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước:	474.963.541 đồng
4. Thu bổ sung từ NS cấp trên:	17.289.311.580 đồng

**C. Tổng số chi ngân sách xã năm 2021: 19.342.715.914 đồng, trong đó:**

**1. Chi đầu tư phát triển: 11.151.066.000 đồng**

**2. Chi thường xuyên: 6.309.382.622 đồng (Bao gồm cả kinh phí mục tiêu gồm có:**

2.1. Chi quân sự quốc phòng:	270.695.960 đồng
2.2. Chi Ban an ninh:	171.829.500 đồng
2.3. Chi sự nghiệp VH TT:	5.765.000 đồng
2.4. Sự nghiệp phát thanh:	24.650.000 đồng
2.5. Sự nghiệp TDTT:	7.710.000 đồng
2.6. Chi bảo vệ môi trường:	10.350.000 đồng
2.7. Sự nghiệp kinh tế:	1.033.546.000 đồng
2.8. Chi quản lý Nhà nước:	3.261.328.362 đồng
2.9. Chi hoạt động của khối Đảng:	499.991.499 đồng
2.10. Chi hoạt động của UBMTTQVN xã:	309.756.205 đồng
2.11. Chi hoạt động của Đoàn Thanh niên:	113.623.134 đồng
2.12. Chi hoạt động của Hội Phụ nữ:	119.581.236 đồng
2.13. Chi hoạt động của Hội Nông dân:	107.258.840 đồng
2.14. Chi hoạt động của Hội Cựu chiến binh:	97.805.886 đồng
2.15. Chi hoạt động của Hội Người cao tuổi:	72.865.000 đồng
2.16. Sự nghiệp xã hội:	191.066.000 đồng
2.17. Chi thường xuyên khác:	11.560.000 đồng

**3. Chi chuyển nguồn sang năm sau: 171.646.712 đồng.**

**4. Chi nộp trả NS cấp trên: 1.710.620.580 đồng.**

**D. Số kết dư ngân sách: 1.248.423.120 đồng.**

(Kèm theo biểu mẫu số 48,50,51,52,54,55,56,57,61 ban hành theo ND  
31/2017/ND-CP)

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức công khai số liệu quyết toán này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thường trực HĐND xã, các ban HĐND xã, đại biểu HĐND xã thường xuyên giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13 tháng 07 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND TX Đức Phổ;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã;
- Kho bạc Nhà nước Đức Phổ;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã; UBND xã;
- UB Mặt trận TQVN, các hội  
Đoàn thể chính trị-xã hội xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa XIII;
- Ban ngành của xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Vỹ**